

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/04/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+PPD	7:25	20+2	0+0		17+5	0+0	CHUYEN 2 CTK3-P2
2		TD5	7:25	18	0		18	0	PUMA
3		AMD+P3	9:25	14+8	0+0		10+12	0+0	
4		TD3	9:25	19	0		19	0	PUMA
5		BK16+CTK3	11:25	7+15	0+0		5+17	0+0	MI
6		TD5+AMD	11:25	6+11	0+0		4+3	0+0	EC
7		PPD	11:25	19	0		19	0	PUMA
8		SAVR+GTCL1+TD3	13:25	7+8+5	0+0+0		0+9+2	0+0+0	MI
9		P4+P3	13:25	8+9	0+0		2+16	0+0	EC

TTBBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ ĐI VỀ TRONG NGÀY P3-5NG, 1 NGUOI P3 VỀ ĐI P4



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/04/2025	TO: CTK3 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: XANH-1	FROM: VT	CREW: HUNG - M.ĐỨC - MQUÂN	ETA: 09:20

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BOGDANOV	CTK3	67	1	7			80	KH-THAC	Russian
2	TRINH QUOC HUY	CTK3	60	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
3	VU CONG KHANG	CTK3	63	1	5	5	90	60	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM VAN DU	CTK3	70	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HONG ANH	CTK3	59	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN DUNG	CTK3	58	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN BA HUE	CTK3	53	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN QUANG VINH	CTK3	61	1	5			102	KH-THAC	Vietnamese
9	KUPEER	CTK3	73	1	6			87	NIPI	Russian
10	NGUYEN THANH HOA	CTK3	62	1	5			94	NIPI	Vietnamese
11	LE THANH CHUNG	CTK3	57	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO QUANG THANG	CTK3	54-55	2	8			83	KH-THAC	Vietnamese
13	PHUNG DINH HAI	CTK3	64	1	5			86	KH-THAC	Vietnamese
14	LE CANH HUNG	CTK3	68	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG LINH	CTK3	71	1	7			61	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN MANH HUNG	CTK3	66	1	9			82	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN VAN KHUONG	CTK3	65	1	8			80	KH-THAC	Vietnamese
18	DAM VAN THANH	CTK3	72	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN SON HA	CTK3	69	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN HUU TRUNG	CTK3	56	1	15			80	KH-THAC	Vietnamese
21	GALLISMOV IL	PPD	22	1	8	2	22	73	KH-THAC	Russian
22	NGO VIET ANH	PPD	21	1	4	1	15	75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	20	1.522	21	125	5	90	17	2	CHUYEN 02 PAX TU CTK3 SANG PPD
2	PPD	2	148	2	12	3	37	5		
TOTAL		22	1.670	23	137	8	127	22		
WEIGHT KG			1.670		137		127			

GRAND TOAL: 1.934 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/04/2025	TO: TD5	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ATUÁN - NKHÁNH	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ TRUNG SƠN	TD5						78	D-HANH	Vietnamese
2	VŨ MẠNH THẮNG	TD5	29	1	3			79	KHOAN	Vietnamese
3	ASKAROV DENIS	TD5	22	1	10			85	KHOAN	Russian
4	NGUYỄN TẤN TÀI	TD5	23	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH TUYẾN	TD5	33,35	2	12			80	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TẤN VINH	TD5	20-21	2	19			75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HOÀ	TD5	32	1	6			84	KHOAN	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN MẠO	TD5	15-16	2	14			71	KHOAN	Vietnamese
9	NGO VAN HUY	TD5	17-18	2	17			71	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN MẠNH	TD5	30	1	7			72	KHOAN	Vietnamese
11	BUI NGOC ĐO	TD5	24-25	2	9			70	ANTOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐĂNG HÙNG	TD5	38-39	2	17			61	DMC-MI	Vietnamese
13	NGO VAN TRỌNG	TD5	36	1	10			61	DMC-MI	Vietnamese
14	VŨ LONG PHI	TD5	41	1	10			73	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU LỘC	TD5	42	1	9			80	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN HUY DŨNG	TD5	40	1	3			80	KHOAN	Vietnamese
17	TÔ TUẤN DUY	TD5	19	1	16			105	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	TD5	37	1	8			81	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	18	1.376	23	174	0	0	18		
TOTAL		18	1.376	23	174	0	0	18		
WEIGHT KG			1.376		174		0			

GRAND TOAL: 1.550 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/04/2025	TO: AMD - P3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: HÙNG - M.ĐỨC - MQUÂN	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAM VAN AN	AMD	34	1	7	4	80	67	HLJOC	Vietnamese
2	TRINH BICH NGOC	AMD	27-28	2	13			70	TLJOC	Vietnamese
3	TRUONG XUAN CHI	AMD	24	1	13			70	TLJOC	Vietnamese
4	TRAN LE HOA	AMD	25-26	2	15			62	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI MINH KHA	AMD	35	1	3			59	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM NGOC TUAN	AMD	36	1	5			57	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN PHUONG	AMD	39	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HIEU	AMD	37	1	6			82	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN ĐỨC THIÊN	AMD	31	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ TRAN PHUONG ĐÔNG	AMD	40	1	15	4	14	65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TRỌNG TUAN	AMD	38	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ CHÍ CƯỜNG	AMD	32	1	9			64	KH-THAC	Vietnamese
13	TÀNG XUAN HAI	AMD	33	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
14	TRUONG VAN BA	AMD	29-30	2	12			74	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HUU PHUONG	P3						68	BIEN ĐONG	Vietnamese
16	LÊ HỒNG ĐẠI	P3	700	1	5			74	D-HANH	Vietnamese
17	CHU MINH HUNG	P3	96	1	3			87	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN VAN THỊNH	P3	97	1	5			72	NIPI	Vietnamese
19	ĐẶNG THÈ ANH	P3	99	1	4			68	NIPI	Vietnamese
20	LÊ PHÚC HOANG	P3	06	1	16			88	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ QUỐC HƯƠNG	P3	95	1	11			73	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN GIA HIEU	P3	04-05	2	19			62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	AMD	14	926	17	122	8	94	10		
2	P3	8	592	8	63	0	0	12		
TOTAL		22	1.518	25	185	8	94	22		
WEIGHT KG			1.518		185		94			

GRAND TOAL: 1.797 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/04/2025	TO: TD3	AIRCRAFT: 614	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: ATUÁN - NKHÁNH	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN HAI	TD3	05	1	8	2	12	79	KHOAN	Vietnamese
2	OLEINIK IVAN	TD3	11	1	3			74	KHOAN	Russian
3	HOANG PHẠM NGỌC VŨ	TD3	100	1	4			104	KHOAN	Vietnamese
4	CHU VĂN THĂNG	TD3	13	1	14			69	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM HUNG DƯƠNG	TD3	10	1	4			99	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN MẠNH HUNG	TD3	04	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
7	ĐÀO TIỀN THIẾT	TD3	99	1	7			54	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN ANH	TD3	01	1	4			85	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ TIỀN DŨNG	TD3						72	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ MẠNH THĂNG	TD3						72	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM DƯƠNG HAI	TD3	06	1	6			65	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ QUANG HIỆU	TD3	09	1	5			117	KHOAN	Vietnamese
13	ĐÀO DUY ĐIỆP	TD3	14	1	13			79	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM THANH TUNG	TD3	15	1	16			96	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ VĂN NGHĨA	TD3	08	1	8			68	KHOAN	Vietnamese
16	ĐOÀN HIỆU	TD3	12	1	12			73	KHOAN	Vietnamese
17	QUÁCH ĐẶC THẬN	TD3	07	1	4			52	PSV	Vietnamese
18	LÊ THANH CHÂU	TD3	02-03	2	7			70	PSV	Vietnamese
19	PHẠM ĐỨC CẢNH	TD3	98	1	5			62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	19	1.462	18	125	2	12	19		
TOTAL		19	1.462	18	125	2	12	19		
WEIGHT KG			1.462		125		12			

GRAND TOAL: 1.599 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/04/2025	TO: BK16 - CTK3	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: VIỆT - MTHAO - VŨ	ETA: 14:00
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ TRÍ HAO	BK16	51	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÀO KIM CƯỜNG	BK16	50	1	2			59	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ MINH THĂNG	BK16	52	1	4			81	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯU ĐỨC TUẤN	BK16	53-54	2	8	2	28	88	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐO VĂN BÌNH	BK16	55	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM BA KHÁNH	BK16	66	1	10			74	PSV	Vietnamese
7	HÀ ĐỨC THÀNH	BK16	03	1	7			65	PSV	Vietnamese
8	LUYỆN VĂN THIỆU	CTK3	28	1	10			86	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH KHÔI	CTK3	39-40	2	17			68	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ HỮU ĐỨC	CTK3	44	1	11			94	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM THANH HẢI (17773)	CTK3	37	1	4	3	40	64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN NGHĨA	CTK3	41-42	2	18			60	XAYLAP	Vietnamese
13	HÀ THAI QUỐC	CTK3	35-36	2	15			73	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM MINH VŨ	CTK3	33-34	2	17			77	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC HÙNG	CTK3	32	1	14	1	25	66	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAN NGỌC TUẤN ANH	CTK3	30-31	2	18			82	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ VĂN DŨNG	CTK3	45	1	10			73	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT PHONG LŨU	CTK3	47	1	14			90	XAYLAP	Vietnamese
19	KPAMAPEHKO B.B.	CTK3	43	1	6			71	D-HANH	Russian
20	NGUYỄN HOÀI VŨ	CTK3	46	1	5			67	D-HANH	Vietnamese
21	NGUYỄN NAM THAI	CTK3	29	1	5			65	D-HANH	Vietnamese
22	NGÔ HỮU HUY TU	CTK3	38	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK16	7	510	8	42	2	28	5		
2	CTK3	15	1.111	20	168	4	65	17		
TOTAL		22	1.621	28	210	6	93	22		
WEIGHT KG			1.621		210		93			

GRAND TOAL: 1.924 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/04/2025	TO: TD5 - AMD	AIRCRAFT: 619	ETD: 12:00
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: LTUÂN - MẠNH	ETA: 13:50
TRANG - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN CAO TUẤN	TD5	33	1	10			68	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HẠNH	TD5	34-35	2	19	4	33	57	CODIEN	Vietnamese
3	TRẦN ĐẶC THĂNG	TD5	32	1	2			72	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH TIẾN	TD5	31	1	11			62	PSV	Vietnamese
5	ĐO THANH TÙNG	TD5	36	1	11			70	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TRẠI	AMD	28	1	12	1	10	66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN GIÁC UNG	AMD	30	1	9			91	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH TƯỜNG	AMD	26	1	9			69	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐO VĂN TUẤN	AMD	23	1	8			72	CODIEN	Vietnamese
10	BUI VIỆT HẠNH	AMD	22	1	10			45	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH HIỀN	AMD	20	1	7			72	CODIEN	Vietnamese
12	LÊU VINH AN	AMD	21	1	7	1	13	58	CODIEN	Vietnamese
13	ĐẶNG TRỌNG DŨNG	AMD	24-25	2	12			66	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐẠI NGHĨA	AMD	19	1	12			54	CODIEN	Vietnamese
15	MAI ĐÌNH KHANG	AMD	29	1	12			50	CODIEN	Vietnamese
16	PHAN THANH SƠN	AMD	27	1	14			78	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	5	329	6	53	4	33	4		
2	AMD	11	721	12	112	2	23	3		
TOTAL		16	1.050	18	165	6	56	7		
WEIGHT KG			1.050		165		56			

GRAND TOAL: 1.271 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/04/2025	TO: PPD	AIRCRAFT: 614	ETD: 12:15
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: ATUẤN - NKHÁNH	ETA: 14:05
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DƯƠNG ĐẠI THẮNG	PPD	45	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TRUONG GIANG	PPD	37-38	2	6			57	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM THANH KIM	PPD	30	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN HOAI BAO	PPD	27-28	2	9			76	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HA	PPD	41	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TRONG HOANG	PPD	34	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN MANH CHIEN	PPD	43-44	2	16			58	KH-THAC	Vietnamese
8	VÔ HỒ HAI	PPD	42	1	2			67	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ ĐỨC TÒN	PPD	40	1	5	2	30	77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN MANH THANG	PPD	33	1	2			58	KH-THAC	Vietnamese
11	LƯƠNG VĂN TANG	PPD	31	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN PHONG	PPD	49	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TUAN ANH	PPD	36	1	13			74	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG XUÂN HAI	PPD	32	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI NGOC DUNG	PPD	48	1	10			56	KH-THAC	Vietnamese
16	TÔ QUỐC THỊNH	PPD	35	1	9			55	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG ĐÌNH HÒA	PPD	39	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ CHÍ KIẾN	PPD						78	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN CHI HIEU	PPD	29	1	7			72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	19	1.269	21	125	2	30	19		
TOTAL		19	1.269	21	125	2	30	19		
WEIGHT KG			1.269		125		30			

GRAND TOAL: 1.424 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/04/2025	TO: SAVR - GTC1 - TD3	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: VIỆT - MTHAO - VŨ	ETA: 16:20
TIM-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐÀO TIÊN THÀNH	SAVR	07-08	2	14			85	PVDWS	Vietnamese
2	TRẦN TUẤN DUNG	SAVR	03	1	15			83	PVDWS	Vietnamese
3	TRẦN QUỐC HUY	SAVR	02	1	9			73	PVDWS	Vietnamese
4	CHRISTOFERNO DEDI ANGKASA	SAVR	05-06	2	13			85	PVDWS	Indonesian
5	TRẦN VĂN HOÀN	SAVR	01	1	10			66	PVDWS	Vietnamese
6	BUI ANH PHƯƠNG	SAVR	04	1	6			71	PVDWS	Vietnamese
7	DƯƠNG KHANH HOANG	SAVR	09-10	2	14	1	14	82	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN PHI KHAI HOAN	GTC1	23	1	4	1	20	68	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG NGOC TAN	GTC1	28-29	2	20			63	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN HUNG	GTC1						82	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN SƠN TUNG	GTC1						74	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN TUYẾN	GTC1	16-17	2	6			68	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÀO MINH HAI	GTC1	30	1	8			69	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM VĂN VINH	GTC1	31-32	2	16			71	XAYLAP	Vietnamese
15	KIEU VAN TUAN	GTC1	24	1	3			73	PSV	Vietnamese
16	RAKHIMOV A.R.	TD3	02	1	6	3	40	99	D-HANH	Russian
17	STARZHINSKIY E.M.	TD3	03	1	7			99	D-HANH	Russian
18	IAKHIN R.V.	TD3	04	1	7			85	D-HANH	Russian
19	BUI ANH SƠN	TD3	05	1	3			64	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM VĂN CHAU	TD3	06	1	7			72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	SAVR	7	545	10	81	1	14	0		
2	GTC1	8	568	9	57	1	20	9		
3	TD3	5	419	5	30	3	40	5		
TOTAL		20	1.532	24	168	5	74	14		
WEIGHT KG			1.532		168		74			

GRAND TOAL: 1.774 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/04/2025	TO: P4 - P3	AIRCRAFT: 619	ETD: 14:20
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: LTUẤN - MẠNH	ETA: 16:10
TRANG-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN VAN CAO	P4	11	1	17			66	CODIEN	Vietnamese
2	PHUNG BA ĐỆ	P4	01-02	2	10			73	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN LEM	P4	03	1	11	2	40	69	CODIEN	Vietnamese
4	TRAN MINH TUNG	P4	07-08	2	19			77	CODIEN	Vietnamese
5	HOANG HUU TRONG	P4	04	1	17			69	CODIEN	Vietnamese
6	CAO XUAN DUNG	P4	06	1	16			70	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYEN TRI PHUOC	P4	04	1	11			74	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYEN TUAN DAT	P3	25-26	2	22			87	XAYLAP	Vietnamese
9	HO SY TRUNG	P3	23-24	2	10			71	XAYLAP	Vietnamese
10	LE CONG TUONG	P3	325-326	2	15			66	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN KIM HUONG	P3	21-22	2	19			59	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC HUNG	P3	322	1	6			74	XAYLAP	Vietnamese
13	HO NGUYEN HAU	P3	18	1	10	1	15	63	XAYLAP	Vietnamese
14	LE XUAN LAP	P3	223	1	17			66	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN VAN CUONG	P3	320-321	2	17			63	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG VINH	P3	324	1	9			85	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC ANH	P3	20	1	7			78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P4	7	498	9	101	2	40	2		
2	P3	10	712	15	132	1	15	16		
TOTAL		17	1.210	24	233	3	55	18		
WEIGHT KG			1.210		233		55			

GRAND TOAL: 1.498 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN